

Bản án số: **212/2021/DS – ST**

Ngày: 01/07/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Ngọc Tiến**

Bà **Đàm Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Thế Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2021 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*), là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/05/2020 và Giấy ủy quyền số 716/2020/GUQ-TTT ngày 23/7/2020)

Bị đơn: Ông **Phùng Văn L**, sinh năm: 1968 (*vắng mặt*)

Thường trú: Số 105 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/07/2020 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho ông Phùng Văn L vay tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/03/2012 (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000 đồng,

mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Sau khi được cấp thẻ ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.050.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt tới nay ông L đã không trả đủ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo các điều khoản đã cam kết tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng mặc dù ngân hàng đã thông báo nhiều lần. Dư nợ tính đến ngày 03/02/2021 là:

- Nợ gốc: 3.352.192 đồng
 - Tiền lãi quá hạn: 5.283.590 đồng
- Tổng cộng là: 8.635.782 đồng.

Ngân hàng S yêu cầu ông L phải trả ngay toàn bộ số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 03/02/2021 là 8.635.782 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/02/2021 cho đến ngày trả hết nợ theo qui định của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/03/2012.

* Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho ông Phùng Văn L các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Phùng Văn L không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông L. Ngày 03/02/2021, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Phùng Văn L vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 9.255.902 đồng (gồm nợ gốc là 3.352.192 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 5.903.710 đồng), tiền lãi còn tiếp tục tính từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo xác minh ngày 21/01/2021 của Công an Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã có cơ sở xác định ông Phùng Văn L có hộ khẩu thường trú tại nhà số 105 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ cuối năm 2020 gia đình ông L bán nhà và đi đâu không rõ. Như vậy thời điểm Ngân hàng S nộp đơn khởi kiện ông L vào ngày 23/07/2020 do không biết nơi cư trú của ông L nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 105 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (cũng là địa chỉ ông L ghi trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng) là đúng quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngân hàng S và ông Phùng Văn L có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo (ông L ký và Ngân hàng S xác nhận ngày 06/03/2012). Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch thẻ với số tiền là 15.050.000 đồng nhưng sau đó không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng S theo đúng thỏa thuận.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo, đồng thời căn cứ chi tiết giao dịch và thanh toán nợ thẻ hiện tại bản Tóm tắt sao kê ngày 01/07/2021 thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/07/2021 ông L còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 9.255.902 đồng (gồm nợ gốc là 3.352.192 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 5.903.710 đồng).

Xét thấy, ông L đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng S cấp để thanh toán tiêu dùng cá nhân với số tiền là 15.050.000 đồng nhưng không thanh toán hết số nợ và các

khoản phí, lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, gây thiệt hại cho Ngân hàng nên cần buộc ông L có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn thiếu tổng cộng là 9.255.902 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền lãi vay và các tiền phí đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng, chứng tỏ bị đơn đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình được qui định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án qui định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Ông Phùng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng S) là 462.795 đồng. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm đ Khoản 4 Điều 189, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1.1. Ông Phùng Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông Phùng Văn L và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm

hợp đồng do ông L ký và Ngân hàng Thương mại cổ phần S xác nhận ngày 06/03/2012 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo) số tiền là 9.255.902 đồng (chín triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm lẻ hai đồng) (gồm nợ gốc là 3.352.192 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 5.903.710 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 462.795 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng) do ông Phùng Văn L chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0049586 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, ông Phùng Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền